TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 24-12-2021
"*Tranh chấp về chia tài sản chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh và Ông Bùi Đức Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 20/2021/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021 về "*Tranh chấp chia tài sản chung"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố HL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2021/QĐ-PT ngày 19/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2021/QĐ-PT ngày 22/11/2021, số 106/2021/QĐ-PT ngày 03/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 6, khu 1, phường BĐ, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 6, khu 1, phường BĐ, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 **Ngân hàng NN Việt Nam**; Địa chỉ: Số 2, LH, phường TC, quận BĐ, thành phố HN; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Bích L; sinh 1968; Chức vụ: Phó giám đốc; Nơi ĐKNKTT: Tổ 3, khu 6C, phường HH, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa

3.2 **Ngân hàng TMCP BIDV Việt Nam**; Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 HV, quận HK, thành phố HN; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phương M; Chức vụ: Cán bộ ngân hàng: Có mặt.

4. **Người kháng cáo**: Nguyên đơn và Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 1991, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị D đã khởi kiện xin ly hôn anh T ra Tòa án. Tại Bản án số 58/2017/HNGĐ-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HL đã quyết định không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng. Anh, chị chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

* Anh chị có khối tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng 409,1m^2 đất và ngôi nhà 05 tầng trên đất tại ô số 23, lô A, khu dân cư sau chợ Cột 5 (thuộc lô D1, D2) khu đô thị LB cột 8, phường HH, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 035728, số vào sổ CH01410 do UBND thành phố HL cấp ngày 27/5/2013 mang tên anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D. Theo kết luận của Hội đồng định giá, quyền sử dụng đất có giá trị là 25.272.561.600 đồng, tài sản gắn liền với đất có giá trị là 10.522.460.000 đồng.

- Quyền sử dụng 46,04 đất và ngôi nhà 5 tầng trên đất tại số 33, phố BT, phường BĐ, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q982108, số vào sổ 2239QSDĐ do UBND thành phố HL cấp ngày 27/4/2000 mang tên chị Nguyễn Thị D. Theo kết luận của Hội đồng định giá, quyền sử dụng đất có giá trị là 2.206.052.640 đồng, tài sản gắn liền với đất có giá trị là 1.771.400.000 đồng.

- Quyền sử dụng 85m2 đất tại ô số 5, lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8 (khu 5,4ha), thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM046541 số vào sổ H34576 do UBND thành phố HL cấp ngày 21/01/2008 mang tên ông Vũ Ngọc C và bà Lê Thị L1(ô đất này chị D, anh T đã nhận chuyển nhượng của ông C bà và đã làm thủ tục tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố HL ngày 21/02/2014). Theo kết luận của Hội đồng định giá, quyền sử dụng đất có giá trị là 1.598.850.000 đồng.

- Quyền sử dụng 85m2 đất tại ô số ô số 4, lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8 (khu 5,4ha), thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM046545, số vào sổ H34581 do UBND thành phố HL cấp ngày 21/01/2008 mang tên bà Vũ Thị T1 (ô đất này chị D, anh T đã nhận chuyển nhượng của bà T1 và đã làm thủ tục tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố HL ngày 26/12/2012). Theo kết luận của Hội đồng định giá, quyền sử dụng đất có giá trị là 1.598.850.000 đồng.

* Về phần nợ chung: Anh, chị có khoản nợ chung tại Ngân hàng BIDV chi nhánh HL theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5731298/HĐTD tính đến ngày 29/7/2021 là 10.981.695.706 đồng (trong đó nợ gốc là 10.927.000.000 đồng, nợ lãi là 54.695.706 đồng). Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 409,1m^2 đất và ngôi nhà 05 tầng trên đất tại ô số 23, lô A, khu dân cư sau chợ Cột 5 (thuộc lô D1, D2) khu đô thị LB cột 8, phường HH, thành phố HL theo Hợp đồng thế chấp số 02/2016/5731298/HĐBĐ ngày 12/10/2016 và Quyền sử dụng 46,04m2 đất và ngôi nhà 5 tầng trên đất tại số 33, phố BT, phường BĐ, thành phố HL theo Hợp đồng

thế chấp số 01/2016/5731298/HĐBĐ ngày 12/10/2016.

* Về phần nợ riêng:

- Chị D có khoản nợ riêng tại Ngân hàng NN – Chi nhánh HL 1 Quảng Ninh theo Hợp đồng tín dụng số 8017-LAV-202000168 ngày 11/3/2020 tính đến ngày 29/7/2021 dư nợ gốc là 06 tỷ đồng, nợ lãi đến ngày 05/8/2021 là 390.116.438 đồng. Tài sản thế chấp là ngôi nhà 6 tầng và 02 ô đất số 04, 05, lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8 (khu 5,4ha), thành phố HL theo Hợp đồng thế chấp số 2019/222/HĐTC ngày 05/3/2019.

- Anh T có khoản nợ 20 tỷ đồng, vay của anh Đinh Khắc B.

Chị Nguyễn Thị D có quan điểm: Chị khởi kiện chỉ yêu cầu chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Ô số 23, lô A, khu dân cư sau chợ Cột 5. Sau khi anh T có yêu cầu phản tố, đề nghị chia thêm các tài sản chung khác là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 33, phố BT và 02 quyền sử dụng đất tại ô số 4, 5, lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8 thì chị có quan điểm: Về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 33, phố BT, phường BĐ có giá trị là 3.974.452.640 đồng giao cho anh T quản lý, sử dụng. Về 02 quyền sử dụng đất tại ô số 4, 5, lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8 (khu 5,4ha) có tổng giá trị là 3.197.700.000 đồng giao cho chị D quản lý, sử dụng. Không bên nào phải thanh toán giá trị chênh lệch cho bên nào. Về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Ô số 23, lô A, khu dân cư sau chợ Cột 5 (thuộc lô D1, D2) khu đô thị LB cột 8 có giá trị là 35.795.021.600 đồng. Chị D đề nghị được quản lý, sử dụng và có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ hiện nay với ngân hàng BIDV là 11.194.000.000 đồng; Trả cho anh T số tiền lãi mà anh T trước đó đã vay và đã trả cho ngân hàng là 12.806.000.000 đồng. Phần giá trị còn lại chị sẽ thanh toán chênh lệch 1/2 giá trị cho anh Tuấn là 5.897.510.800 đồng.

Anh Nguyễn Văn T có quan điểm: Anh đồng ý chia tài sản mà chị D khởi kiện và có yêu cầu chia bổ sung các tài sản chung của anh chị gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 33, phố BT và 02 quyền sử dụng đất tại ô số 4, 5, lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8. Anh đồng ý với quan điểm của chị D về nhà đất ở BT và 02 ô đất ở phường HH1. Về quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại Ô số 23, lô A, khu dân cư sau chợ Cột 5 (thuộc lô D1, D2) khu đô thị LB cột 8, anh đề nghị được quyền quản lý, sử dụng tài sản này và có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ còn lại cho ngân hàng BIDV và cho anh B. Lí do anh đề nghị quản lý, sử dụng tài sản này là do từ khi mua đất và xây dựng căn nhà, nguồn tiền do một mình anh làm ra và xây dựng lên. Trong đó anh có vay của anh B 20 tỷ đồng và vay của ngân hàng BIDV số tiền 16 tỷ đồng. Từ đó đến nay, bản thân anh một mình trả tiền cho ngân hàng, trong đó đã trả là 12.806.000.000 đồng, còn nợ là 11.194.000.000 đồng. Chị D chỉ ở nhà nội trợ, không làm gì cả. Anh và các con, cháu sinh sống tại căn nhà này từ đó đến nay, ngoài ra anh còn sử dụng căn nhà này làm văn phòng để kinh doanh. Chị D cũng đang sử dụng 02 ô đất số 4 và ô đất số 5, lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8 (khu 5,4ha) để kinh doanh. Anh T đề nghị, do anh có công sức đóng góp nhiều hơn trong khối tài sản chung nên anh đề nghị được hưởng 2/3 và chia cho chị D 1/3 giá trị tài sản. Đối với phần nhà xây

trên ô đất số 04, 05 là tài sản riêng của chị D, khoản nợ tại Ngân hàng NN là nợ riêng của chị D không liên quan đến anh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng BIDV Việt Nam có quan điểm: Ngày 12/10/2016, Ngân hàng BIDV chi nhánh HL có cho anh T, chị D vay số tiền 16 tỷ đồng, thế chấp bằng tài sản như anh chị đã khai. Quá trình trả nợ là khấu trừ vào tài khoản của anh T. Số nợ còn lại tạm tính đến ngày 29/7/2021 là 10.981.695.706 đồng (trong đó nợ gốc là 10.927.000.000 đồng, nợ lãi là 54.695.706 đồng). Ngân hàng BIDV có quan điểm đồng ý giao tài sản đang đảm bảo tại ngân hàng và nghĩa vụ trả nợ cho bên có nguồn thu nhập đủ khả năng trả nợ cho ngân hàng để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã cam kết.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NN Việt Nam có quan điểm: Chị D hiện đang vay vốn tại Ngân hàng Agribank - chi nhánh HL1 Quảng Ninh, thế chấp bằng tài sản như chị D đã khai. Khách hàng Nguyễn Thị D có xác nhận tình trạng hôn nhân là chưa đăng ký kết hôn với ai theo xác nhận của UBND phường BĐ, thành phố HL, tài sản thế chấp mang tên cá nhân chị D. Chị D có cam kết sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn và duy nhất với khoản vay trên mà không liên quan đến bên thứ 3 theo biên bản làm việc ngày 07/7/2020 giữa chị D và Ngân hàng Agribank HL1. Vì vậy, Agribank HL 1 sẽ tự thỏa thuận và làm việc duy nhất với chị D đối với trách nhiệm trả nợ các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Người làm chứng anh Đinh Khắc B có lời khai thể hiện: Anh và anh Nguyễn Văn T là bạn bè làm ăn ngoài xã hội, anh không quen chị D, chỉ được nghe nói chị D là vợ cũ của anh T. Từ tháng 11/2015 đến tháng 12/2016, anh T có vay của anh 3 lần, tổng số tiền là 20 tỷ đồng, hai bên có làm hợp đồng và giấy biên nhận, có sự chứng kiến của cô Phạm Thị Vân A. Đến nay, anh T vẫn nợ anh số tiền nợ gốc là 20 tỷ đồng nhưng anh chưa yêu cầu anh T phải trả số tiền trên và anh không yêu cầu tòa án giải quyết khoản vay này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố HL quyết định: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc chia tài sản chung.

- Chị Nguyễn Thị D được quyền sử dụng 02 thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM046541 số vào sổ H34576 và số AM046545, số vào sổ H34581 do UBND thành phố HL cấp ngày 21/01/2008 tại ô số 4, 5, lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8 (khu 5,4ha), thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Chấm dứt mọi quyền lợi của anh T (quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt) đối với 02 thửa đất này.

- Anh Nguyễn Văn T được sử dụng 46,04m^2 đất và sở hữu tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q982108, số vào sổ 2239QSDĐ do UBND thành phố HL cấp ngày 27/4/2000 tại số 33, phố BT, phường BĐ, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh mang tên Chị Nguyễn Thị D và quyền sở hữu, sử dụng đất và căn biệt thự trên đất thuộc ô số 23, lô A diện tích đất 409,1m^2, thuộc lô D1, D2 khu đô thị LB cột 8, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 035728, số vào sổ CH01410 ngày 27/5/2013 của Ủy ban nhân

dân thành phố HL. Anh Nguyễn Văn T tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5731298/HĐTD ngày 12/10/2016 và các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/5731298/HĐBĐ ngày 12/10/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2016/5731298/HĐBĐ ngày 12/10/2016 giữa Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh HL với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D. Chấm dứt mọi quyền lợi (quyền sở hữu nhà, sử dụng đất) của chị D đối với căn nhà, đất nêu trên.

- Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị D giá trị còn lại của ngôi nhà là 5.897.510.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về quyền của Ngân hàng khi các đương sự không trả được nợ theo hợp đồng tín dụng, về án phí và quyền thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/11/2020, Chị D kháng cáo yêu cầu định giá lại và chia đôi nhà đất tại khu dân cư sau chợ cột 5 vì chị đang có khó khăn về chỗ ở. Anh T kháng cáo yêu cầu chia nhà đất tại khu dân cư sau chợ cột 5 theo tỉ lệ anh được hưởng 60%, chị D hưởng 40%.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D, anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo và quan điểm đã trình bày. Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của chị D, anh T còn trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Tại Bản án số 58/2017/HNGĐ-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HL đã quyết định không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng. Vì vậy, tài sản chung của anh chị được chia theo qui định về sở hữu chung của Bộ luật dân sự nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về chia tài sản chung" cho đúng với bản chất vụ án.

Về việc giải quyết nội dung, yêu cầu khởi kiện: Chị D là người khởi kiện vụ án chia tài sản chung, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị D được triệu tập hợp lệ 4 lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lí do chính đáng và không đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị D là đúng qui định tại khoản 2 Điều 217 BLTTDS. Anh T có yêu cầu phản tố và giữ nguyên yêu cầu này nên bản án sơ thẩm đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 217 BLTTDS và khoản 2,3 Điều 28 Nghị quyết số 05 ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nhận định về việc thay đổi địa vị tố tụng tại phiên tòa và giải quyết yêu cầu phản tố của anh T là đúng qui định.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự thấy:

Các đương sự chỉ kháng cáo đối với tài sản chung là Quyền sử dụng 409,1m^2 đất và ngôi nhà 05 tầng trên đất tại ô số 23, lô A, khu dân cư sau chợ Cột 5 (thuộc lô D1, D2) khu đô thị LB cột 8, phường HH, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 035728, số vào sổ CH01410 do UBND thành phố HL cấp ngày 27/5/2013 mang tên anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D.

Xem xét yêu cầu kháng cáo của chị D về việc định giá lại đối với tài sản này thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/6/2020 chị D, anh T có văn bản thỏa thuận lựa chọn đơn vị thẩm định để định giá các tài sản đang tranh chấp. Ngày 17/7/2020 chị D kí Hợp đồng dịch vụ với Công ty cổ phần đâu tư và thẩm định giá HTC Việt Nam – Chi nhánh QN để định giá tài sản. Ngày 04/9/2020 Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá HTC Việt Nam – Chi nhánh QN đã ban hành chứng thư thẩm định giá để kết luận về giá các tài sản tranh chấp và kết quả này có thời hạn sử dụng là 06 tháng. Tuy nhiên sau đó, cả chị D và anh T đều không chấp nhận kết quả này và yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá định giá tài sản theo Bộ luật tố tụng dân sự. Do đã hết thời hạn được sử dụng kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định và do đương sự yêu cầu nên ngày 01/4/2021 Tòa án nhân dân thành phố HL quyết định thành lập Hội đồng định giá. Theo kết luận của Hội đồng định giá, quyền sử dụng đất có giá trị là 25.272.561.600 đồng, tài sản gắn liền với đất có giá trị là 10.522.460.000 đồng. Như vậy, trình tự, thủ tục cũng như thành viên Hội đồng định giá đã đảm bảo đúng qui định tại Điều 104 BLTTDS. Chị D yêu cầu định giá lại đối với quyền sử dụng 409,1m^2 đất và ngôi nhà 05 tầng trên đất tại ô số 23, lô A, khu dân cư sau chợ Cột 5 (thuộc lô D1, D2) khu đô thị LB cột 8, phường HH, thành phố HL nhưng anh T không đồng ý. Chị D cũng không đưa ra được căn cứ cho rằng kết quả định giá của Hội đồng định giá là không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường tại thời điểm xét xử phúc thẩm. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D về việc chỉ định giá lại một tài sản đã chia cho anh T.

Ngoài ra, chị D còn kháng cáo về việc chia đôi căn nhà và quyền sử dụng đất này vì chị đang có khó khăn về chỗ ở, thấy: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, chị D có nộp cho Tòa án Hợp đồng thuê nhà thể hiện chị đang đi thuê chỗ ở, tuy nhiên tại Bản án sơ thẩm đã giao cho chị quyền quản lý, sử dụng căn nhà 06 tầng xây dựng trên 02 ô đất số 4 và ô đất số 5, lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8 (khu 5,4ha) vì vậy quyền lợi về chỗ ở của chị đã được đảm bảo. Ngoài ra, việc chia đôi căn nhà là không đảm bảo qui định về qui hoạch, thiết kế kiến trúc đô thị của Nhà nước, vì vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị D.

Đối với kháng cáo của anh T về việc yêu cầu chia nhà đất tại khu dân cư sau chợ cột 5 theo tỉ lệ anh được hưởng 60%, chị D hưởng 40% thấy: Tòa án đã xem xét tổng thể khối tài sản chung của anh T và chị D, đã giao cho anh chị được quản lý, sử dụng những tài sản phù hợp với điều kiện công việc cũng như đảm bảo ổn định cuộc sống. Cũng đã xem xét đến các công sức đóng góp của mỗi người để quyết định việc thanh toán chênh lệch giá trị tài sản. Anh T cho rằng có công sức nhiều hơn vì còn vay nợ anh B 20 tỷ đồng để xây dựng căn nhà, tuy nhiên tại các giấy vay nợ không thể hiện vay nợ vì mục đích gì, chị D không thừa nhận có vay

số tiền này để xây nhà, anh T cũng không chứng minh được đã vay số tiền trên để xây dựng căn nhà. Vì vậy, bản án sơ thẩm quyết định giao tài sản là nhà đất tại khu dân cư sau chợ cột 5 cho anh và buộc anh thanh toán cho chị Nguyễn Thị D giá trị chênh lệch của tài sản là 5.897.510.000 đồng là phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh T.

[3] Xem xét các vấn đề khác của bản án thấy: Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam để chia tài sản chung của chị D, anh T là không đúng bởi anh chị chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng kí kết hôn và đã được Tòa án tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng. Trường hợp này phải áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 16 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam và Điều 207, Điều 210, Điều 219 Bộ luật dân sự về sở hữu chung để giải quyết về quan hệ tài sản mới đảm bảo đúng qui định. Hội đồng xét xử sẽ sửa phần áp dụng pháp luật và phần tuyên án cho ngắn gọn, dễ hiểu, đảm bảo việc thi hành bản án.

Kháng cáo của chị D, anh T không được chấp nhận nên anh, chị phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 245 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Điều 207, Điều 210, Điều 219 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc chia tài sản chung của anh và chị Nguyễn Thị D.

* Chị Nguyễn Thị D được quyền quản lý, sử dụng 02 thửa đất, mỗi thửa đất có diện tích 85m2 và sở hữu ngôi nhà 06 tầng nằm trên đất tại ô số 4, ô số 5 lô H, khu dân cư sau đường bao biển cột 8 (khu 5,4ha), thành phố HL, tỉnh QN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM046541 số vào sổ H34576 do UBND thành phố HL cấp ngày 21/01/2008 mang tên ông Vũ Ngọc C và bà Lê Thị L và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM046545, số vào sổ H34581 do UBND thành phố HL cấp ngày 21/01/2008 mang tên bà Vũ Thị T1.

Chị D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục theo qui định pháp luật về đất đai sau khi thực hiện xong các nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8017-LAV-202000168 ngày 11/3/2020, Hợp đồng tín dụng số 8017-LAV-202000262 ngày 18/5/2020 và Hợp đồng thế chấp số 2019/222/HĐTC ngày 05/3/2019, Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 18052020/PLHĐTC ngày 18/5/2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với chị Nguyễn Thị D. Trường hợp chị D không thực hiện đúng nghĩa vụ theo các hợp đồng nêu trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển

nông thôn Việt Nam có quyền khởi kiện vụ án để yêu cầu chị D thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã kí kết giữa các bên.

* Anh Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng 46,04m2 đất và quyền sử dụng ngôi nhà 5 tầng trên đất tại số 33, phố BT, phường BĐ, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q982108, số vào sổ 2239QSDĐ do UBND thành phố HL cấp ngày 27/4/2000 mang tên chị Nguyễn Thị D.

Anh Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng 409,1m^2 đất và quyền sử dụng ngôi nhà 05 tầng trên đất tại ô số 23, lô A, khu dân cư sau chợ Cột 5 (thuộc lô D1, D2) khu đô thị LB cột 8, phường HH, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 035728, số vào sổ CH01410 do UBND thành phố HL cấp ngày 27/5/2013 mang tên anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D.

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5731298/HĐTD ngày 12/10/2016 và các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/5731298/HĐBĐ ngày 12/10/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2016/5731298/HĐBĐ ngày 12/10/2016 giữa Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh HL với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D. Trường hợp anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ theo các hợp đồng nêu trên thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền khởi kiện vụ án để yêu cầu anh T thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng đã kí kết giữa các bên.

Anh T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục theo qui định pháp luật về đất đai sau khi thực hiện xong các nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng thế chấp nêu trên.

* Anh T có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch về tài sản cho chị D số tiền là 5.897.510.000 đồng (*Năm tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu anh Nguyễn Văn T chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng, chị D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003909 ngày 31/8/2021 của Chi cục thi hành án thành phố HL. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng, anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003910 ngày 01/9/2021 của Chi cục thi hành án thành phố HL. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bán án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TA, THA thành phố HL;
- Các đương sự;
- Lưu VP, lưu hồ sơ vụ án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Ánh **Bùi Đức Thanh** **Phạm Thị Hương Giang**